TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 762/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 -8 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T

2. Ông Phan Trọng B

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN T tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN T, THÀNH PHỐ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 502/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 654/2023/QĐST- HNGĐ ngày 07/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 726/2023/QĐST- HNGĐ ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 19xx,

Địa chỉ: 15 N, phường P, QUẬN T, THÀNH PHỐ H,

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Lâm Ngọc V, sinh năm 1966,

Địa chỉ: 15 N, phường P, QUẬN T, THÀNH PHỐ H

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày:

Bà và ông Lâm Ngọc V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 82, ngày 12/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh L.

Cuộc sống vợ chồng ngay thời gian đầu đã không hạnh phúc, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính cách hai bên không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong mọi việc. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không trao đổi, nói chuyện với nhau để tạo không khí hạnh phúc trong gia đình, khiến bà cảm thấy đời sống hôn nhân luôn ngột ngạt, mệt mỏi. Bà đã cố gắng tìm biện pháp để vợ chồng hòa hợp, hàn gắn, tạo không khí hạnh phúc gia đình nhưng không kết quả, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà đã chịu đựng cuộc sống không hạnh phúc để duy trì cuộc hôn nhân đến khi con cái trưởng thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, bà không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn với ông V để ổn định tinh thần, cuộc sống.

Bị đơn ông Lâm Ngọc V trình bày:

Ông và Vân tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 82, ngày 12/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh L.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống chung nhà nhưng không ăn cơm chung, hai bên không quan tâm nhau, đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Ông đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên ông không muốn ly hôn vì muốn vợ chồng chung sống để cùng lo cho các con đến ngày lập gia đình và sau khi chia tài sản rõ ràng.

- *Về con chung*: Bà V và ông V khai có hai con chung tên Lâm Hoàng K, sinh ngày xx/x/19xx và Lâm Trúc G, sinh ngày xx/x/19xx đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà V và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- *Về nợ chung*: Bà V và ông V khai không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lâm Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến với những nội dung chính sau:

+ Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự 2015 như:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định tư cách pháp lý: nguyên đơn, bị đơn, xác định mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục, xử lý đơn khởi kiện và gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, Tòa án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 191, 195, 196, 197 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vấn đề điều tra, thu thập chứng cứ: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thực hiện đúng quy định về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát QUẬN T nghiên cứu đúng theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Thẩm phán đã tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 171, Điều 172, 173, 174, 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng quy định Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: căn cứ quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của nhưng người tham gia tố tụng dân sự thì các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V ly hôn với ông Lâm Ngọc V.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà V phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2022, bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu ly hôn ông Lâm Ngọc V, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lâm Ngọc V có nơi cư trú tại nhà số 15 N, phường P, QUẬN T, THÀNH PHỐ H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN T, THÀNH PHỐ H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lâm Ngọc V đã được Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 171, 179, 196, 208, 220 và 233 của Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lâm Ngọc V vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn*:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 82, ngày 12/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh L có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lâm Ngọc V là hợp pháp, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do tính cách hai bên không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong mọi việc. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không trao đổi, nói chuyện với nhau để tạo không khí hạnh phúc trong gia đình, khiến đời sống hôn nhân luôn căng thẳng, mệt mỏi. Tình trạng này diễn ra trong thời gian rất dài mà hai bên không thể hòa giải được. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay.

Bị đơn ông Lâm Ngọc V xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do tính cách hai bên khác biệt, không cùng quan điểm trong cuộc sống và công việc. Vợ chồng sống chung nhà nhưng ít khi nói chuyện với nhau, ăn cơm riêng, sinh hoạt riêng, không quan tâm nhau và ly thân từ năm 2019 đến nay. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên ông không muốn ly hôn vì muốn vợ chồng chung sống để cùng lo cho các con đến ngày lập gia đình và sau khi phân chia tài sản của vợ chồng rõ ràng.

Từ lời khai của đương sự có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, hai bên cố gắng tìm biện pháp hàn gắn nhưng không kết quả khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải. Bị đơn ông Lâm Ngọc V xác định hai bên không còn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên ông không muốn ly hôn vì muốn vợ chồng chung sống để cùng lo cho các con đến ngày lập gia đình và sau khi phân chia tài sản của vợ chồng rõ ràng. Điều này thể hiện vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, khiến cho hôn

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu…quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau …" "vợ chồng có nghĩa tôn trọng, giữ gìn bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau ". Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh V là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lâm Ngọc V cùng khai có hai con chung tên Lâm Hoàng K, sinh ngày xx/x/19xx và Lâm Trúc G, sinh ngày xx/x/19xx đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lâm Ngọc V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lâm Ngọc V khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Điều 271; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn với ông Lâm Ngọc V.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 12/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lâm Hoàng K, sinh ngày xx/x/19xx và Lâm Trúc G, sinh ngày xx/x/19xx đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037085 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN T. Bà Nguyễn Thị Thanh V đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND QUẬN T;
- Chi cục THADS QUẬN T;
- UBND xã X, huyện C, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc N